



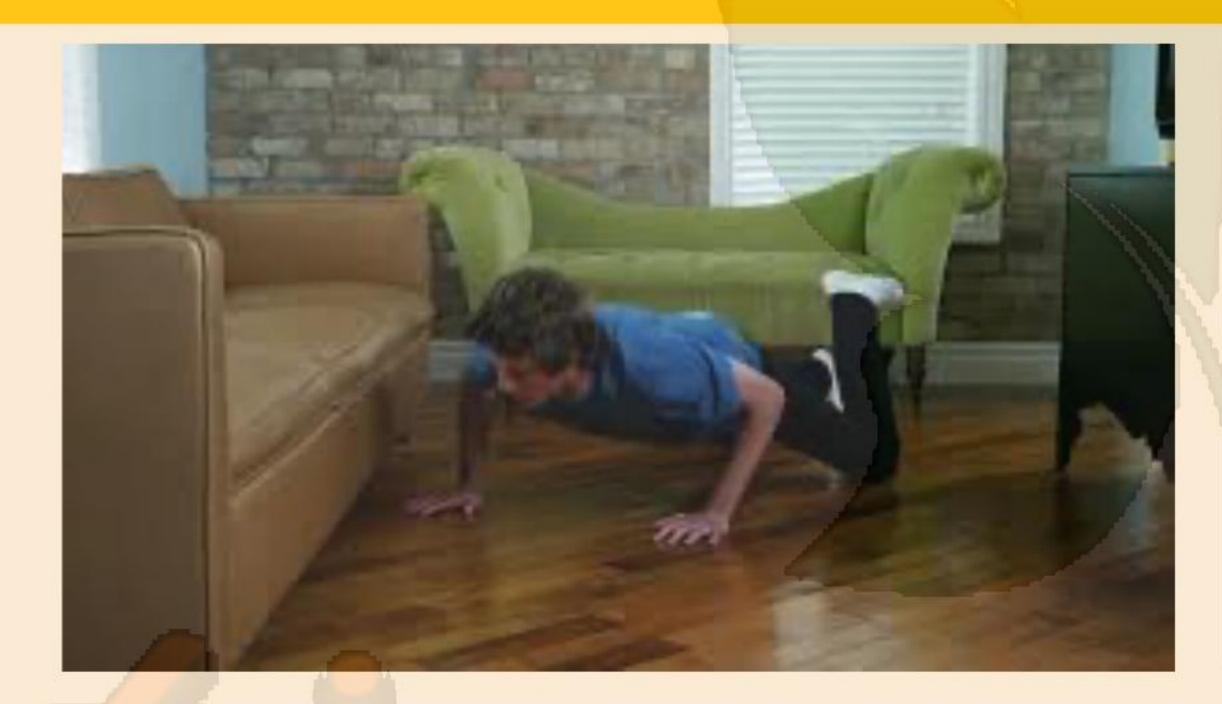
ENGLISH GRAMMAR 2 INTERMEDIATE LEVEL

Unit 13 – Present perfect and past 1 (I have done and I did)



THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH V.S THÌ QUÁ KHỬ ĐƠN

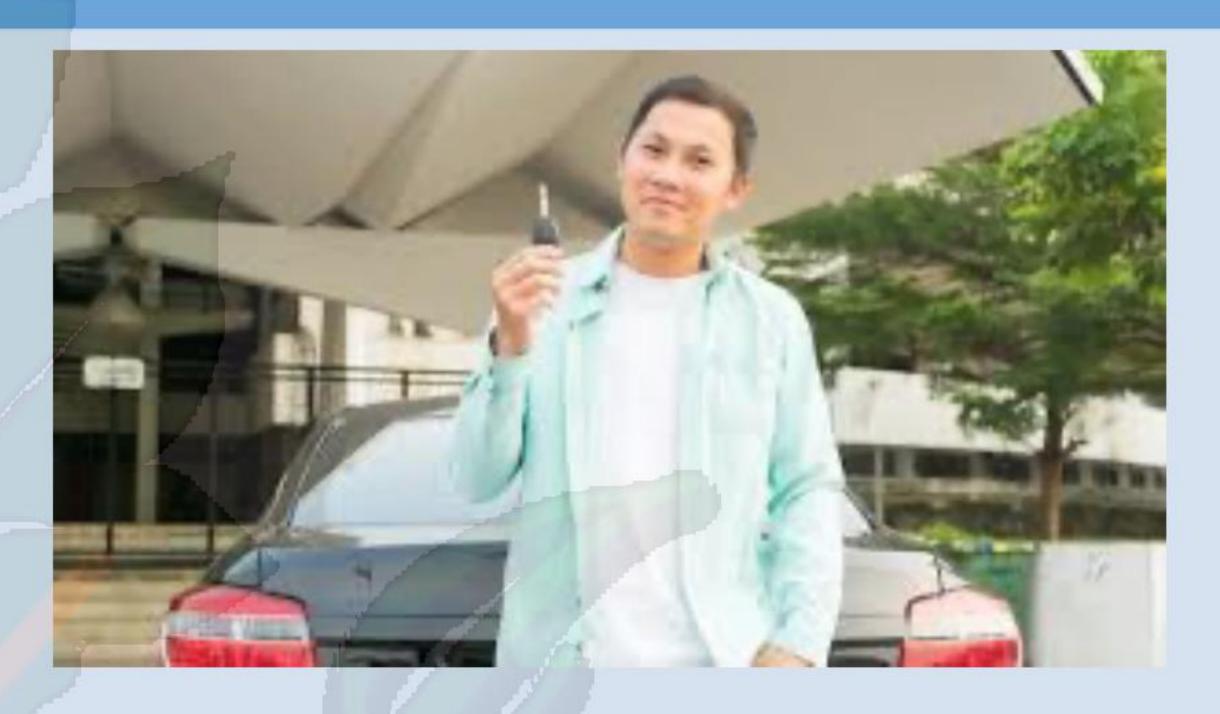
Now



- Tom is looking for his key. He can't find it.
- He has lost his key. (present perfect)

This means that he doesn't have his key now.

10 minutes later



- Now Tom has found his key. He has it now.
- Has he lost his key? No, he has found it.
- Did he lose his key? Yes, he did.
- He lost his key (past simple)
 but now he has found it. (present perfect)

THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH V.S THÌ QUÁ KHỬ ĐƠN

Present perfect

Thì hiện tại hoàn thành là một thì hiện tại. Nó nói về một tình huống ở hiện tại.

'Tom has lost his key' = he doesn't have his key now (xem Bài 7).

Simple past

Thì quá khứ đơn chỉ nói về tình huống trong quá khứ. Nếu ai đó nói:

'Tom lost his key',

Chúng ta không biết hiện giờ anh ấy có chìa khoá hay không. Chúng ta chỉ biết rằng, tại một thời điểm nào đó trong quá khứ, cậu ấy đã làm mất chìa khoá.

- EX1: They've gone away. They'll be back on Friday. (they are away now)
- EX2: They went away, but I think they're back at home now. (not They've gone away)
- EX3: It has stopped raining now, so we don't need the umbrella. (it isn't raining now)
- EX4: It stopped raining for a while, but now it's raining again. (not It has stopped)



THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH V.S THÌ QUÁ KHỬ ĐƠN

- ❖ Bạn có thể dùng hiện tại hoàn thành cho một sự kiện hay hành động mới, hoặc vừa xảy ra.
 - EX5: I've repaired the washing machine. It's working OK now.
 - EX6: 'Hannah has had a baby! It's a boy.' 'That's great news.'
- Thông thường, bạn cũng có thể dùng thì quá khứ đơn trong những tình huống tương tự:
 - EX7: I repaired the washing machine. It's working OK now.
- Tuy nhiên, với những sự kiện, tình huống không mới, hoặc không xảy ra gần hiện tại, chúng ta chỉ dùng thì quá khứ đơn.
 - EX8: Mozart was a composer. He wrote more than 600 pieces of music. (not has been ... has written)
 - EX9: My mother grew up in Italy. (not has grown)

Compare:

- EX10: Somebody has invented a new type of washing machine.
- EX11: Who invented the telephone? (not has invented)



THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH V.S THÌ QUÁ KHỬ ĐƠN

- Chúng ta dùng thì hiện tại hoàn thành để nói về thông tin mới. Tuy nhiên, nếu tiếp tục nói về nó, chúng ta sẽ dùng thì quá khứ đơn như trong các ví dụ sau:
 - EX12: A: Ow! I've burnt myself.
 - B: How did you do that? (not have you done)
 - A: I picked up a hot dish. (not have picked)
 - EX13: A: Look! Somebody has spilt something on the sofa.
 - B: Well, it wasn't me. I didn't do it. (not hasn't been ... haven't done)



THỰC HÀNH NHANH

Select the option which best completes the sentences below:

- A: Ben won't be able to play tennis for a while. He ___(1)___ his arm.
- B: Oh. How ___(2)___?
- A: He ___(3)___ off a ladder.
- A. (1) broke / (2) has that happened / (3) he has fallen
- B. (1) has broken / (2) has that happened / (3) he has fallen
- C. (1) has broken / (2) did that happen / (3) he has fallen
- (D.)(1) has broken / (2) did that happen / (3) he fell



TÓM TẮT

- 1. Thì hiện tại hoàn thành nói về sự việc trong bắt đầu trong quá khứ nhưng còn liên hệ hoặc có hậu quả ở hiện tại (Tom has lost his key → Tom doesn't have the key now.) Thì quá khứ đơn nói về sự việc bắt đầu và kết thúc trong quá khứ và không còn liên hệ đến hiện tại (Tom lost his key.)
- 2. Với những thông tin mới hoặc vừa xảy ra gần thời điểm nói, ta có thể dùng hoặc thì hiện tại hoàn thành, hoặc thì quá khứ đơn. Tuy nhiên, với những thông tin không mới, hoặc sự việc đã xảy ra từ lâu, chúng ta chỉ dùng thì quá khứ đơn (Who invented the telephone?)
- 3. Sau khi giới thiệu thông tin mới bằng thì hiện tại hoàn thành, nếu tiếp tục nói về hành động, sự việc đó, ta dùng quá khứ đơn.